

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Tài chính – Ngân hàng** (Finance and Banking)

Mã ngành: 7340201

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Tài chính – Ngân hàng - Khoa Kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân Tài chính ngân hàng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức chuyên ngành ngân hàng và những kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân Tài chính ngân hàng, sinh viên đạt được:

- a. Phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức các nhân và có trách nhiệm đối với xã hội;
- b. Kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội và kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;
- c. Năng lực tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính khác như công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, các quỹ đầu tư tài chính, và dự án đầu tư;
- d. Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong nhóm cũng như làm việc độc lập trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.
- e. Có khả năng phát triển những kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Hiểu biết những nguyên lý kinh tế để phân tích và giải thích được các hiện tượng kinh tế;
- b. Vận dụng luật, các chính sách tài chính, tiền tệ và các chính sách liên quan đến các hoạt động kinh doanh.
- c. Có kiến thức cơ bản về thống kê, toán ứng dụng trong kinh doanh, và các công cụ phân tích định lượng trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Có kiến thức một cách hệ thống trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, và các văn bản pháp quy có liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

- b. Kiến thức về nguyên lý hoạt động kinh doanh trong ngân hàng và các nghiệp vụ của ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại.
- c. Kiến thức về cách thức quản trị hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại trong môi trường hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.
- d. Hiểu biết và nhận diện rủi ro trong hoạt động tài chính doanh nghiệp

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Giải quyết các vấn đề kinh tế nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng theo đúng quy định pháp luật.
- b. Thực hiện và giám sát các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay trong ngân hàng;
- c. Xây dựng quan hệ với khách hàng.
- d. Thu thập, phân tích, và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của ngân hàng;
- e. Phân tích, giám sát và quản lý hoạt động ngân hàng.
- f. Tự nghiên học hỏi và cứu để nâng cao trình độ chuyên môn.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Giao tiếp, phỏng vấn, thuyết trình.
- b. Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm
- c. Phát hiện và giải quyết vấn đề.
- d. Tư duy sáng tạo trong công việc.
- e. Nhận biết sự tương tác giữa các vấn đề kinh tế - xã hội.
- f. Sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên để giải quyết vấn đề linh động.
- g. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và ra các quyết định;
- h. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để phục vụ cho giải quyết công việc và nghiên cứu chuyên môn.

2.3 Thái độ

- a. Có phẩm chất chính trị, chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
- b. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên ngân hàng làm việc ở các vị trí giao dịch, kiểm soát, kế toán, chuyên viên tín dụng, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên kinh doanh ngoại hối, chuyên viên tư vấn đầu tư tài chính tại các ngân hàng thương mại.
- Chuyên viên phân tích và tư vấn làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính.
- Tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh để tạo lập doanh nghiệp cho bản thân;
- Nghiên cứu viên và giảng viên làm việc tại các Viện nghiên cứu về kinh tế - xã hội, các Trường Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, và các đơn vị nghiên cứu.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế và kinh doanh.
- Có khả năng học tiếp các chương trình đào tạo sau đại học trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế và kinh doanh.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra ngành Tài chính ngân hàng của Học viện Ngân hàng.
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	I, II, III	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
25	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			I, II, III
26	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45			I, II
27	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30			I, II
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
32	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
Cộng: 46 TC (Bắt buộc 31 TC; Tự chọn 15 TC)									
Khối kiến thức Cơ sở ngành									
34	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45			I, II
35	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45			I, II
36	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010	I, II
37	KT257	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính	2	2		30		KT108	I, II
38	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30			I, II
39	KT104	Marketing căn bản	3	3		45			I, II
40	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	3		45			I, II
41	KT103	Quản trị học	3	3		45			I, II
42	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45			I, II
43	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT108	I, II
44	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45		KT111	I, II
45	KT405	Lý thuyết bảo hiểm	2	2		30			I, II
46	KL369	Luật kinh tế	2	2		30			I, II
47	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	3	3	4	45		KT105	I, II
48	KT210	Tâm lý quản lý	2			30			I, II
49	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2			30			I, II
50	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2			30			I, II
51	KT107	Toán kinh tế 2	2			30		KT105	I, II
52	XH007	Tâm lý học đại cương	2			30			I, II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
53	KT118	Kinh tế học hành vi	3			45		KT101	I, II
54	KT429	Hành vi khách hàng	2			30			I, II
Cộng: 42 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 4 TC)									
Khối kiến thức Chuyên ngành									
55	KT249	Kinh tế học ngân hàng	3	3		45		KT101, KT111	I, II
56	KT344	Nghiệp vụ ngân hàng	3	3		45		KT111	I, II
57	KT354	Quản trị ngân hàng	3	3		45		KT344	I, II
58	KT329	Thị trường chứng khoán	3	3		45		KT308	I, II
59	KT359	Quản trị rủi ro tài chính	3	3		45		KT308	I, II
60	KT330	Thuế	3	3		45		KT106	I, II
61	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45		KT106	I, II
62	KT275	Anh văn chuyên ngành Tài chính - Kế toán	3	3		45			I, II
63	KT328	Thanh toán quốc tế	3	3		45			I, II
64	KT262	Thẩm định tín dụng	3	3		45		KT344	I, II
65	KT263	Marketing ngân hàng	2	2		30		KT104	I, II
66	KT265	Kiến tập ngành ngân hàng	2	2			60	KT257	I, II
67	KT309	Tài chính quốc tế	3			45		KT102	I, II
68	KT326	Tài chính công	2			30			I, II
69	KT375	Kế toán và khai báo thuế	2			30		KT308	I, II
70	KT341	Kế toán tài chính 1	3			45		KT106	I, II
71	KT342	Kế toán tài chính 2	3			45		KT106	I, II
72	KT374	Kế toán ngân hàng	3			45		KT106	I, II
73	KT267	Kiểm toán 1	2			30		KT106	I, II
74	KT310	Phân tích chính sách kinh tế	3			45		KT101, KT102	I, II
75	KT268	Kinh tế nông hộ	3			45			I, II
76	KT269	Định giá tài sản	3			45		KT308	I, II
77	KT346	Quản trị chiến lược	3			45		KT103	I, II
78	KT431	Hành vi tổ chức	2			30		KT103	I, II
79	KT272	Đầu tư tài chính	2			30		KT308	I, II
80	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45			I, II
81	KT264	Chuyên đề ngân hàng	2				60	KT257	I, II, III
82	KT409	Luận văn tốt nghiệp – TCNH	10				300	≥ 105 TC	I, II
83	KT296	Tiểu luận tốt nghiệp – TCNH	4				120	≥ 105 TC	I, II
84	KT420	Dự báo kinh tế	3			45		KT108	I, II
85	KT266	Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp	2			30			I, II
86	KT404	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			30		KT106	I, II
Cộng: 52 TC (Bắt buộc: 34 TC; Tự chọn: 18 TC)									
Tổng: 140 TC (Bắt buộc: 103 TC; Tự chọn: 37 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018

**KHOA KINH TẾ
TRƯỞNG KHOA**



Võ Thành Danh

**HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH**



Lê Việt Dũng

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



*** Hà Thanh Toàn**